

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 05-01-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 35/2022/TLST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH GCF; địa chỉ trụ sở: Lô B2-19, 28, đường số 4, khu công nghiệp TĐHB, phường TĐH, thành phố DA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đắc T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số B2.06 chung cư QT, 111B LTT, phường TTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Văn bản ủy quyền ngày 03/10/2022. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: Tổ 17, khu phố x, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: Tổ 17, khu phố x, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH GCF là ông Vũ Đức T trình bày:

Nguyên đơn kinh doanh trong lĩnh vực thức ăn gia súc. Ngày 01/01/2020, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng mua bán thức ăn số 03701/2020/HĐMB-GCFBD kèm theo phụ lục số 01, theo hợp đồng nguyên đơn bán thức ăn gia súc (cám cút đẻ) nhãn hiệu Sunrise cho bị đơn. Khi bị đơn có nhu cầu gọi thì nguyên đơn sẽ cung cấp thức ăn theo yêu cầu. Bị đơn mua thức ăn để bán lại cho khách hàng. Đến ngày 30/4/2021, các bên lập biên bản đối chiếu công nợ, số tiền bị đơn nợ là 242.976.350 đồng, các bên đều ký xác nhận vào biên bản. Sau đó, bị đơn có thanh toán một phần, đến ngày 30/6/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 230.976.350 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn không có thiện chí thanh toán khoản nợ này.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 230.976.350 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/9/2022 là 10.393.936 đồng.

Ngày 21/11/2022, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H cùng liên đới thanh toán số tiền 230.976.350 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/9/2022 là 10.393.936 đồng. Tổng cộng 241.370.286 Đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/01/2023, ông Thuận đề nghị Toàn án nhân dân thị xã Bến Cát buộc ông T1 và bà H cùng liên đới thanh toán cho Công ty TNHH GCF số tiền nợ gốc 230.976.350 đồng, tiền lãi tính từ ngày 30/6/2022 đến hết ngày 05/01/2022 là: 230.976.350 đồng x 06 tháng 06 ngày x 1.5%/ tháng = 21.480.800 đồng, tổng cộng: 252.457.150 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2022, Biên bản hòa giải ngày 02/11/2022, bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về việc giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán thức ăn gia súc. Ông T1 có nhu cầu chăn nuôi nên có liên hệ nguyên đơn mua thức ăn gia súc (cám cút) và bán lại cho một số hộ dân xung quanh nhà ông T1, ông T1 không có đăng ký kinh doanh, việc mua bán chỉ do ông T1 thực hiện không liên quan đến vợ con ông T1. Ông T1 không cung họ tên vợ, trường hợp nguyên đơn có yêu cầu gì liên quan đến vợ ông T1 thì nguyên đơn tự đi tìm hiểu.

Do đó, ông T1 đồng ý một mình ông T1 thanh toán số tiền 230.976.350 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/9/2022 là 10.393.936 đồng. Phương án thanh toán mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số nợ trên.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2022, ông T1 trình bày: Ông T1 có nhu cầu chăn nuôi nên có liên hệ nguyên đơn mua thức ăn gia súc (cám cút) và

bán lại cho một số hộ dân xung quanh nhà ông T1, ông T1 không có đăng ký kinh doanh. Nay, ông T1 đồng ý cùng vợ là bà H liên đới thanh toán số tiền 230.976.350 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/9/2022 là 03 tháng với mức lãi suất 1.5%/ tháng: 10.393.936 đồng. Tổng cộng 241.370.286 đồng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thụ lý bổ sung, thông báo đưa người tham gia tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H theo hình thức tổng đạt trực tiếp, niêm yết công khai tại nơi cư trú của bà Nguyễn Thị H, trụ sở Ủy ban nhân dân phường nơi bị đơn bà Nguyễn Thị H cư trú và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Bị đơn: Đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc 230.976.350 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 05/01/2022 là: 21.480.800 đồng, tổng cộng: 252.457.150 đồng. tuy nhiên, chỉ đồng ý một mình ông T1 thanh toán.

Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án, việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Công ty TNHH GCF khởi kiện ông Nguyễn Hữu T1 yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng mua bán thức ăn số 03701/2020/HĐMB-GCFBD ngày 01/01/2020 kèm theo phụ lục số 01. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông T1 xác định ông T1 không có đăng

ký kinh doanh nhưng có nhu cầu chăn nuôi nên có liên hệ nguyên đơn mua thức ăn gia súc (cám cút) và bán lại cho một số hộ dân xung quanh nhà ông T1 để phát sinh lợi nhuận làm nguồn kinh tế phục vụ cho nhu cầu sinh sống của cả gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1 có địa chỉ thường trú: Tổ 17, khu phố x, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt:

- Ngày 03/01/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Thuận có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H: Tòa án đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bà H theo hình thức niêm yết công khai tại địa chỉ thường trú và trực tiếp giao cho bà H theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà H vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về chứng cứ:

Ngày 09/12/2022, tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn, bị đơn thống nhất các tài liệu, chứng cứ đã nộp và đã được tiếp cận, nguyên đơn và bị đơn không bổ sung hay yêu cầu thu thập thêm tài liệu chứng cứ.

Tòa án đã niêm yết Thông báo kết quả việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án cho bà H biết nhưng bà H không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc hoặc yêu cầu thu thập thêm chứng cứ, cung cấp chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ theo Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/12/2022 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị đơn thống nhất có ký Hợp đồng mua bán thức ăn số 03701/2020/HĐMB-GCFBD ngày 01/01/2020 với nguyên đơn. Xét Hợp đồng được ký kết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên có hiệu lực và ràng buộc trách nhiệm các bên tham gia ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H cùng liên đới thanh toán số tiền nợ gốc 230.976.350 đồng, tiền lãi là: 21.480.800 đồng, tổng cộng: 252.457.150 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn thống nhất số tiền bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 230.976.350 đồng, tiền lãi là: 21.480.800 đồng, tổng cộng: 252.457.150 đồng. Nhưng không đồng ý cùng bà H liên đới thanh toán mà chỉ đồng ý một mình ông T1 thanh toán.

Xét thấy: Tại Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, ông T1 đều thừa nhận việc mua bán thức ăn với nguyên đơn là để ông T1 chăn nuôi cút tại nhà và bán cám cho các hộ dân xung quanh để sinh lợi nhuận làm nguồn kinh tế phục vụ cho nhu cầu sinh sống của cả gia đình ông T1. Vợ ông T1 biết việc mua bán thức ăn và cùng ông T1 chăn nuôi tại nhà.

Như vậy, thời điểm mua bán thức ăn với nguyên đơn, ông T1 và bà H vẫn đang là vợ chồng, cùng thực hiện việc chăn nuôi và sử dụng nguồn tiền có được để chi tiêu gia đình nên bà H phải cùng ông T1 liên đới thanh toán các khoản nợ phát sinh liên quan đến việc mua bán thức ăn chăn nuôi.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với phần lãi suất: Tại Báo cáo công nợ khách hàng ngày 01/6/2022, các bên có thỏa thuận và đồng ý mức lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày 30/6/2022 là 1.5%/tháng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông T1 và bà H thanh toán tiền lãi tính từ ngày 30/6/2022 đến hết ngày 05/01/2022 là: $230.976.350 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 1.5\% / \text{tháng} = 21.480.800 \text{ đồng}$ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 91, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 401, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 24 và Điều 319 Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH GCF.

Buộc ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty TNHH GCF số tiền nợ gốc 230.976.350 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 05/01/2022 là: 21.480.800 đồng, tổng cộng: 252.457.150 đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH GCF có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu Công ty TNHH GCF chậm thi hành án thì hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH GCF không phải nộp án phí, hoàn trả Công ty TNHH GCF số tiền 5.774.408 đồng (năm triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm lẻ tám đồng) tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0001097 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị H cùng liên đới nộp 12.662.857 đồng (mười hai triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng) án phí sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ, VT.

Lại Thị Ngọc Bích